

**HẠN MỨC GIAO DỊCH ĐỐI VỚI MỘT SỐ GIAO DỊCH THUỘC
DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ VÀ HẠN MỨC SỬ DỤNG THẺ**

(Hiệu lực từ ngày 20/9/2024)

I. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

STT	Loại giao dịch ¹	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
I	Chuyển tiền			
1	Chuyển tiền trong hệ thống PGBank		Không giới hạn	Không giới hạn
2	Chuyển tiền ngoài hệ thống			
2.1	Chuyển tiền thường		5.000.000.000	5.000.000.000
2.2	Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 ²	2.000	499.999.999	
II	Nạp tiền điện thoại		20.000.000	20.000.000
III	Thanh toán hóa đơn		300.000.000	300.000.000
IV	Thanh toán bằng QR Code		100.000.000	300.000.000

II. DỊCH VỤ THẺ

1. Thẻ Trả trước Online

a. Hạn mức của thẻ Trả trước Online vô danh

A. Hạn mức số dư: Tại mọi thời điểm không quá 5.000.000 VND.				
B. Hạn mức giao dịch thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ theo giao dịch, theo ngày				
STT	Loại giao dịch	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
1	Tại POS của PGBank tại Đơn vị chấp nhận thẻ		5.000.000	100.000.000
2	Tại POS của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu POS	5.000.000	100.000.000
C. Hạn mức nạp thêm tiền vào thẻ				

¹ PGBank triển khai các loại giao dịch này qua các dịch vụ/kênh giao dịch thuộc Dịch vụ Ngân hàng điện tử theo quy định của PGBank trong từng thời kỳ.

² Là dịch vụ do Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) cung cấp cho PGBank theo thỏa thuận giữa NAPAS và PGBank.

STT	Loại giao dịch	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
1	Chi nhánh/Phòng giao dịch (Trên hệ thống Epurse)		5.000.000	Không giới hạn ³
2	Tại Ứng dụng/Website của trung gian thanh toán	Theo quy định của kênh giao dịch	5.000.000	Không giới hạn ⁴
D. Tổng hạn mức giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trong 01 tháng trên một thẻ: không được quá 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng Việt Nam).				

b. Hạn mức của thẻ Trả trước Online định danh

A. Hạn mức số dư: Không giới hạn.				
B. Hạn mức giao dịch theo giao dịch, theo ngày				
STT	Loại giao dịch	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
I	Giao dịch rút tiền			
1	Tại ATM của PGBank		20.000.000	100.000.000
2	Tại ATM của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu ATM		100.000.000
II	Giao dịch chuyển tiền			
1	Tại ATM của PGBank		20.000.000	20.000.000
2	Tại ATM của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu ATM	20.000.000	20.000.000
3	Tại Dịch vụ Ngân hàng điện tử			
3.1	Chuyển tiền trong hệ thống PGBank		100.000.000	100.000.000
3.2	Chuyển tiền ngoài hệ thống			
3.2.1	Chuyển tiền thường		100.000.000	100.000.000
3.2.2	Chuyển tiền nhanh NAPAS 247 ⁵	2.000	100.000.000	

³ Khi thực hiện giao dịch thẻ phải trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ (hạn mức số dư). Hạn mức số dư tại mọi thời điểm trên một thẻ trả trước vô danh không được quá 5.000.000 VND (Năm triệu đồng Việt Nam).

⁴ Khi thực hiện giao dịch thẻ phải trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ (hạn mức số dư). Hạn mức số dư tại mọi thời điểm trên một thẻ trả trước vô danh không được quá 5.000.000 VND (Năm triệu đồng Việt Nam).

⁵ Là dịch vụ do Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) cung cấp cho PGBank theo thỏa thuận giữa NAPAS và PGBank.

III	Giao dịch thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ			
1	Tại POS của PGBank tại Đơn vị chấp nhận thẻ		100.000.000	100.000.000
2	Tại POS của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu POS	100.000.000	100.000.000
3	Tại Dịch vụ Ngân hàng điện tử			
3.1	Nạp tiền điện thoại		20.000.000	20.000.000
3.2	Thanh toán hóa đơn		100.000.000	100.000.000
3.3	Thanh toán bằng QR Code		100.000.000	100.000.000
IV	Giao dịch thanh toán trực tuyến			
1	Tại Ứng dụng/Website của trung gian thanh toán/Đơn vị chấp nhận thanh toán trực tuyến	2.000	100.000.000	100.000.000
C. Hạn mức nạp thêm tiền vào thẻ				
STT	Loại giao dịch	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
1	Tại Chi nhánh/Phòng giao dịch của PGBank (Trên hệ thống Epurse)		Không giới hạn	Không giới hạn
2	Tại Ứng dụng/Website của trung gian thanh toán	Theo quy định của kênh giao dịch	Theo quy định của kênh giao dịch	
3	Tại Dịch vụ Ngân hàng điện tử			
3.1	Nguồn tiền khác ngoài hệ thống PGBank	50.000	200.000.000	Không giới hạn
3.2	Nguồn tiền từ PGBank	50.000	Không giới hạn	Không giới hạn
D. Tổng hạn mức giao dịch (bao gồm giao dịch rút tiền mặt, giao dịch chuyển khoản, giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả thanh toán trực tuyến) trong 01 tháng trên một thẻ: không được quá 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng Việt Nam).				

2. Thẻ Ghi nợ nội địa

STT	Loại giao dịch	Hạn mức giao dịch tối thiểu/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/giao dịch	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày
I	Giao dịch rút tiền			
1	Tại ATM của PGBank		20.000.000	100.000.000
2	Tại ATM của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu ATM		100.000.000
II	Giao dịch chuyển tiền			
1	Tại ATM của PGBank		20.000.000	20.000.000
2	Tại ATM của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu ATM	20.000.000	20.000.000
III	Giao dịch thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ			
1	Tại POS của PGBank tại Đơn vị chấp nhận thẻ		Không giới hạn	10.000.000.000
2	Tại POS của Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng quản lý, sở hữu POS	499.999.999	10.000.000.000
IV	Giao dịch thanh toán trực tuyến			
1	Tại Ứng dụng/Website của trung gian thanh toán/Đơn vị chấp nhận thanh toán trực tuyến	2.000	200.000.000	Toàn bộ số dư khả dụng của tài khoản gắn với thẻ

3. Thẻ tín dụng quốc tế PGBank VISA

STT	Loại giao dịch		Hạn mức thẻ	
			Thẻ Chuẩn (Classic)	Thẻ Vàng (Gold)
1	Rút tiền mặt ⁶	Trong một chu kỳ tín dụng	Tối đa 50% Hạn mức tín dụng nhưng không lớn hơn Hạn mức khả dụng của thẻ. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có).	
		Trong một ngày	Tối đa 30.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có).	

⁶ Hạn mức rút tiền mặt thực hiện tại ATM và thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán của các tổ chức thanh toán thẻ khác sẽ theo quy định của tổ chức đó nhưng không vượt quá hạn mức thẻ tại STT này.

		Trong một lần	Tối đa 5.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có).
		Số lần rút tiền tối đa trong một ngày	06 lần
2	Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại thiết bị chấp nhận thẻ ⁷	Trong một ngày/Trong một lần	Bảng Hạn mức khả dụng của thẻ. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có)
		Trong một chu kỳ tín dụng	Bảng Hạn mức tín dụng của thẻ. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có)
3	Giao dịch thương mại điện tử	Trong một ngày/Trong một lần	Bảng Hạn mức khả dụng của thẻ. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có).
		Trong một chu kỳ tín dụng	Bảng Hạn mức tín dụng của thẻ. Bao gồm: Số tiền giao dịch, phí giao dịch và phí chuyển đổi ngoại tệ (nếu có)

4. Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tại ATM của PGBank đối với thẻ của Ngân hàng khác tối đa là: 3.000.000 VND/giao dịch.
5. Hạn mức giao dịch thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ tại POS của thẻ F-card tối đa là:
 - a. Hạn mức/ngày: 1.000.000 VND.
 - b. Hạn mức/tháng: 20.000.000 VND.

⁷ Hạn mức thanh toán hàng hóa, dịch vụ thực hiện tại Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán của các tổ chức thanh toán thẻ khác sẽ thực hiện theo quy định của tổ chức đó nhưng không vượt quá hạn mức thẻ tại STT này.